

Số: /BC-HCC

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Hoạt động 6 tháng đầu năm năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An

(Từ ngày 15/12/2025 - 14/6/2026)

Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong 6 tháng đầu năm 2026: 94.929 hồ sơ.
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 2.019 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết đúng hạn, trước hạn: 94.821 hồ sơ, chiếm 99,89%.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết quá hạn: 108 hồ sơ, chiếm 0,11%.
- Hồ sơ trả lại/Rút: 986 hồ sơ.
- Hồ sơ chờ bổ sung: 389 hồ sơ.
- Số hồ sơ nộp trực tuyến: 81.748 hồ sơ, đạt 87,99%;
- Số lượt sử dụng dịch vụ bưu chính công ích: 12.445 lượt bao gồm dịch vụ nộp và trả kết quả tại nhà.

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Tro ng hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	1517	30	125	1362	1497	1	99,93	8	0	10	1
2	Sở Công thương	2117	51	158	1908	2042	0	100	6	0	0	69
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2	2	0	0	2	0	100	0	0	0	0
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	104	17	5	82	86	5	91,35	0	4	0	9
5	Sở Khoa học và Công nghệ	128	11	0	117	66	0	100	60	0	2	0
6	Sở Ngoại vụ	11	0	0	11	9	0	100	1	0	0	1
7	Sở Nội vụ	1079	156	226	697	1040	5	99,54	2	0	0	32
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1599	209	73	1317	1416	10	94	27	3	50	93
9	Sở Tài chính	239	85	99	55	97	4	98,33	26	0	36	76
10	Sở Tư pháp	96	11	11	74	86	2	97,92	2	0	0	6
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	384	9	1	374	360	0	100	0	0	0	24

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Tro ng hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
12	Sở Xây dựng	1336	100	88	1148	1299	0	100	0	0	0	37
13	Sở Y tế	1021	363	1	657	950	32	96,87	0	0	5	34
Tổng cộng		9691	1044	845	7802	8950	59	99,32	137	7	103	435

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên các hệ thống Bộ, ngành, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước c	Trong kỳ		Trước hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Tài chính	11327	0	0	11327	11016	0	100	311	0	0	0
2	Bảo hiểm xã hội	58787	975	9024	48788	57960	0	100	827	0	0	0
3	Công ty Điện lực	33	0	0	33	33	0	100	0	0	0	0
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam	362	0	0	362	236	0	100	126	0	0	0
5	Sở Công Thương	1020	0	158	862	946	1	99,9	47	0	0	26

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước c	Trong kỳ		Trước hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	940	0	120	820	813	6	99,36	19	0	2	100
7	Sở Khoa học và Công nghệ	203	0	0	203	178	4	98,03	7	0	0	14
8	Sở Nội vụ	629	0	436	193	568	3	99,52	41	0	0	17
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1539	0	22	1517	1291	8	99,35	130	2	21	87
10	Sở Tư Pháp	86	0	0	86	81	1	98,84	4	0	0	0
11	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	30	0	0	30	18	0	100	12	0	0	0
12	Sở Xây dựng	6878	0	555	6323	6407	6	99,91	73	0	206	186
13	Sở Y tế	3404	0	2	3402	2928	11	99,68	287	0	57	121
Tổng cộng		85238	975	10317	73946	82475	40	99,95	1884	2	286	551

2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp xã

* Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cấp xã 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 358.529 hồ sơ, Trong đó:
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 8.518 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 4.256 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 345.755 hồ sơ, đạt 98,78%.
- Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã xử lý: 354.880 hồ

sơ.

* Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết Bộ, ngành chưa bao gồm hệ thống đăng ký hộ kinh doanh, Bộ Tài chính (Các Bộ: Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Nội vụ; Tư pháp) cấp xã 6 tháng đầu năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 14/6/2026) như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 130.769 hồ sơ, Trong đó:
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 0 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 4.818 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 125.951 hồ sơ, đạt 96,32%.
- Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã xử lý: 125.380 hồ sơ.

* Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận : 141.370 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 15.096 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 9.251 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 117.023 hồ sơ, đạt 92,67%.
- Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh đã xử lý: 138.433 hồ sơ.

Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cụ thể (*Phụ lục I, II kèm theo*)

3. Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính

- Đã tham mưu Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, ban hành các Chương trình, Kế hoạch¹, các văn bản triển khai văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, các văn bản đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết TTHC;

- Đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 162 văn bản² chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện cải

¹ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 16/1/2026 Kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2026 của tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 13/02/2026 về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 13/02/2026 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 17/3/2026 về việc kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2026; Kế hoạch số 344/KH-UBND ngày 05/5/2026 về việc truyền thông hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An ...

² Các văn bản điển hình: Công văn số 292/VPUB-KSTT ngày 09/02/2026 về việc xin ý kiến đối với các chỉ số PAR INDEX, SIPAS trong dự thảo Kế hoạch triển khai NQ 02/NQ-CP; Công văn số 1598/UBND-KSTT ngày

cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp; hoạt động, vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 130 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chủ động, khoa học và hiệu quả, không gián đoạn, cụ thể như sau:

- Tiếp tục công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử áp dụng trên địa bàn tỉnh; cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố TTHC; tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả, từ ngày 15/12/2025 đến 14/6/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 197 Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính với 1.828 thủ tục hành chính (cấp tỉnh: 1.508, cấp xã: 328); ban hành 158 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử với 1.396 quy trình (trong đó: cấp tỉnh: 1.285, cấp xã: 111). 100% các Quyết định, các thủ tục hành chính được công khai kịp thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Website của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và Bộ phận Một cửa các cấp; 100% quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã thiết lập quy trình điện tử, cấu hình dịch vụ công cho trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh;

- Tham mưu công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 4280/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2026; góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nâng

12/02/2026 về đẩy mạnh liên thông giấy chứng minh lên Cổng giám định Bảo hiểm y tế theo Thông tư số 22/2025/TT-BYT; Công văn số 1092/UBND-KSTT ngày 30/01/2026 về tình hình thực hiện thẩm định thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 147/VPUB-KSTT ngày 22/01/2026 về việc kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025 thuộc lĩnh vực được phân công; Công văn số 243/VPUB-KSTT ngày 02/02/2026 về việc góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ; Công văn số 844/UBND-KSTT ngày 16/01/2026 về việc thực hiện Kết luận số 229-KL/TW ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Công văn số 993/UBND-KSTT ngày 29/01/2026 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; Công văn số 2021/UBND-KSTT ngày 06/3/2026 về tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; Công văn số 428/VPUB-KSTT ngày 13/3/2026 V/v chấm điểm cải cách TTHC năm 2025 đối với các tiêu chí thuộc Văn phòng UBND tỉnh đánh giá (lần 2); Công văn số 3486/UBND-KSTT ngày 06/4/2026 về việc khắc phục tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026; Công văn số 3589/UBND-KSTT ngày 08/4/2026 về việc tham mưu thực hiện Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026; Công văn số 5692/UBND-KSTT ngày 25/5/2026 về việc tham mưu triển khai nhiệm vụ, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế về Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); Công văn số 6361/UBND-KSTT ngày 03/6/2026 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS ...

cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

- Chủ động, phối hợp với các Sở, Ngành để kiểm soát hồ sơ trình phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử phù hợp với yêu cầu xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, Ngành trong giai đoạn mới.

4. Công tác phối hợp, đơn đốc, giám sát việc giải quyết hồ sơ TTHC

- Tiếp tục tham mưu chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp, giải quyết trực tuyến, trong đó chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về lợi ích của việc nộp hồ sơ và giải quyết TTHC trực tuyến, đặc biệt là dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Hoạt động của Trung tâm diễn ra ổn định, công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Nâng cao vai trò của Trung tâm trong hoạt động Trung tâm tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC và giải đáp thắc mắc trực tiếp với cán bộ Sở, ban, ngành, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

- Hoạt động luân chuyển hồ sơ từ Trung tâm đến các đơn vị và nhận kết quả từ các đơn vị về Trung tâm thông qua dịch vụ Bưu điện Nghệ An cung cấp được triển khai đáp ứng đúng yêu cầu về thời gian, đảm bảo an toàn.

- Trong 6 tháng đầu năm các Sở, Ban, Ngành có thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm đã cử cán bộ, công chức đến làm việc tại Trung tâm theo đúng yêu cầu và quyết định danh sách của chủ tịch UBND tỉnh. Trong quá trình vận hành, trên cơ sở đề xuất của một số đơn vị Trung tâm thực hiện Tiếp nhận mới cán bộ thay thế của các đơn vị như: Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý KKT Đông Nam; Nội vụ đảm bảo không ảnh hưởng tới việc tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và quy chế hoạt động của Trung tâm.

- Trung tâm đã chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan, bố trí đầy đủ nhân lực phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), Bộ Công an triển khai kết nối hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo các tiến độ theo yêu cầu; Hoàn thành tạo tài khoản cán bộ quản trị trên các hệ thống điều phối, phản ánh kiến nghị, CSDL TTHC, Cổng Dịch vụ công quốc gia mới tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an đồng thời tổ chức, phân công cán bộ hướng dẫn quy trình nghiệp vụ trên các hệ thống cho các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã triển khai thực hiện; chủ trì triển khai, phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an tổ chức tập huấn trực tuyến sử dụng các hệ thống điều phối giải quyết TTHC, Phản ánh kiến nghị, Quản trị thanh toán trên Cổng Dịch vụ công

quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia riêng cho các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trung tâm chủ trì, phối hợp với Viễn thông Nghệ An, các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục kịp thời một số tồn tại, hạn chế, lỗi của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân thông suốt, hiệu quả, đáp ứng hoạt động vận hành mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp. Tiếp tục rà soát, nâng cấp, tối ưu hóa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt 24/7; hoàn thành việc thiết lập quy trình điện tử của các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phù hợp với quy định mới.

- Thực hiện Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Công văn số 5721/BKH-CN-CĐSQG ngày 17/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh; Công văn số 8245/BKH-CN-TCNTT ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung, từ ngày 01/01/2026, 09 bộ (bao gồm Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Xây dựng; Bộ Tư Pháp; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) triển khai hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo tập trung. Trung tâm đã tham mưu cho Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, chủ động phối hợp với các Bộ, Ngành khẩn trương triển khai tham gia các lớp tập huấn, cung cấp tài khoản cán bộ để đảm bảo việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành.

- Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ “Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính”; phối hợp đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An để thiết lập chế độ báo cáo định kỳ đã được công bố tại Quyết định số 3971/QĐ-UBND và triển khai kỳ báo cáo Quý I/2026 trên Hệ thống này. Qua đó, việc thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, 01 năm được thực hiện nhanh chóng, chính xác hơn.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Trung tâm đã chủ động phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công An triển khai hướng dẫn sử dụng, cung cấp tài khoản quản trị hệ thống Phản ánh kiến nghị tại Cổng Dịch vụ công quốc gia mới từ ngày 29/5/2026 cho các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã để triển khai thực hiện. Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 1782 phản ánh, kiến nghị (Trong đó: 1.722 phản ánh, kiến nghị tiếp

nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia; 60 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận qua số điện thoại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tỉnh); số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 1.745 số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0 phản ánh.

- Trung tâm tiếp tục tổ chức phân công cán bộ đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 24/7 hiệu quả. Triển khai các nhóm Zalo để thông báo, hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ kịp thời các vướng mắc, đồng hành với các xã trong hoạt động thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai công tác tập huấn trực tiếp, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin cho các đơn vị.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC

1. Tại cấp tỉnh

- Qua quá trình theo dõi triển khai thực hiện còn khá nhiều hạn chế, bất cập trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành như hệ thống hoạt động chưa ổn định, chưa đảm bảo thực hiện liên thông giữa các TTHC của các ngành, lĩnh vực; chưa được quy định rõ việc phân cấp, phân quyền quản lý vận hành các hệ thống thông tin dẫn tới bị động trong khâu triển khai thực hiện đã ảnh hưởng đến việc thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; Các hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành chưa thống nhất về các mẫu biểu thống kê, tiêu chí tính toán và phương pháp xác định trạng thái hồ sơ chưa được chuẩn hóa, dẫn đến số liệu giữa các báo cáo không đồng nhất, gây khó khăn trong việc xác định nguồn số liệu, cán bộ phải thực hiện thống kê báo cáo, trích xuất dữ liệu thủ công cho 13 Sở, ngành và 130 xã, phường đối với 9 hệ thống của các Bộ, ngành (các Bộ: Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Công Thương; Giáo dục; Nội vụ; Văn hoá, thể thao và Du lịch; Xây dựng), riêng hệ thống Đăng ký hộ kinh doanh của Bộ Tài chính Văn phòng UBND tỉnh chưa được cấp tài khoản quản trị để thống kê, báo cáo số liệu.

- Phối hợp cắt chuyển Công dịch vụ công quốc gia tại Văn phòng Chính phủ sang Công dịch vụ công quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia triển khai rất khẩn trương do đó một số các TTHC chưa được các Bộ, ngành công bố, công khai trên CSDL TTHC kịp thời dẫn tới việc cung cấp DVC trực tuyến tại một số ngành, lĩnh vực chưa đảm bảo; hệ thống CSDL TTHC mới được xây dựng chưa đáp ứng quy trình nghiệp vụ về công bố, công khai, địa phương hoá danh mục TTHC do đó các đơn vị bị động trong việc địa phương hoá, rà soát, khai thác dữ liệu về TTHC; Hệ thống điều phối giải quyết TTHC nhiều thời điểm chưa đồng bộ đầy đủ hồ sơ, trạng thái hồ sơ, chưa được xây dựng các chức năng thống kê,

báo cáo, chức năng chấm điểm đánh giá chất lượng phục vụ trong giải quyết TTHC dẫn tới khó khăn trong việc theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo số liệu, chất lượng giải quyết TTHC.

2. Tại cấp xã

- Triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành và Cổng DVC quốc gia đến nay cán bộ phải thực hiện trên 09 hệ thống của Bộ, ngành và 4 phân hệ trên Cổng DVC quốc gia, các hệ thống mới của Bộ, ngành chưa được triển khai thống nhất, chưa đảm bảo công tác kết nối, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống Điều phối giải quyết TTHC, quản lý văn bản điều hành, hóa đơn điện tử, dịch vụ tin nhắn SMS, điều tin sang bưu chính công ích; công tác báo cáo, thống kê, trích xuất số liệu phải thực hiện thủ công trên nhiều hệ thống.

- Trong giai đoạn từ 01/6/2026 đến nay hạ tầng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia phát sinh nhiều lỗi nghiêm trọng dẫn tới số lượng hồ sơ chưa được thanh, quyết toán đầy đủ rất lớn mặc dù các trường hợp này người dân đã thanh toán thành công nhưng phí, lệ phí chưa chuyển về tài khoản thụ hưởng của các đơn vị do đó đã ảnh hưởng đến việc đối soát phí, lệ phí, kiểm tra tình trạng thanh toán để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân, một số thời điểm ùn tắc giao dịch tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, đồng thời làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, phát sinh khiếu nại và ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết TTHC.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Bộ, Ngành chủ quản, Văn phòng UBND tỉnh, VNPT Nghệ An để triển khai giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, Ngành; Cổng DVC quốc gia báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống; Thường xuyên rà soát danh mục TTHC được Bộ, ngành công bố, khai trên CSDL TTHC để kịp thời phát hiện, đề nghị Bộ, ngành cung cấp đầy đủ danh mục thủ tục hành chính để đảm bảo việc thực hiện DVC trực tuyến được thống suốt.

- Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC để triển khai thực hiện. Rà soát, bổ sung kịp thời Chữ ký số để phục vụ hoạt động số hóa hồ sơ tại khâu tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC.

2. Đối với UBND các xã, phường

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Trung tâm, các Sở, ban, ngành trong quá

trình sử dụng các hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành, Cổng DVC quốc gia tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất để gửi Trung tâm để tổng hợp kiến nghị các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác giải quyết TTHC cho người dân được thống suốt, hiệu quả.

3. Đối với VNPT Nghệ An

Chủ động phối hợp với Trung tâm tìm giải pháp để nâng cao chất lượng, cải thiện tính năng, hiệu năng, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng DVC quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ ngành do VNPT triển khai đảm bảo vận hành thông suốt, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm báo cáo Lãnh đạo UBND tỉnh được biết và chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Giám đốc TT PVHCC;
- UBND xã, phường;
- Công ty Điện lực NA;
- Bưu điện NA;
- Lưu VT, HTGS (D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Mỹ

PHỤ LỤC I**Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh 6 tháng đầu năm 2026**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /6/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND phường Cửa Lò	57	527	5775	6354	91,64	6359
2	UBND phường Hoàng Mai	22	0	4172	4177	100,00	4194
3	UBND phường Quỳnh Mai	275	1	7980	8255	99,99	8256
4	UBND phường Tân Mai	311	0	3773	4057	100,00	4084
5	UBND phường Tây Hiếu	42	4	2362	2385	99,83	2408
6	UBND phường Thái Hòa	72	22	2270	2337	99,04	2364
7	UBND phường Thành Vinh	324	415	10293	10795	96,12	11032
8	UBND phường Trường Vinh	194	14	6622	6816	99,79	6830
9	UBND phường Vinh Hưng	118	0	4927	5002	100,00	5045
10	UBND phường Vinh Lộc	82	5	8598	8389	99,94	8685
11	UBND phường Vinh Phú	98	6	5948	5968	99,90	6052
12	UBND xã An Châu	121	20	8373	8495	99,76	8514
13	UBND xã Anh Sơn	22	4	2394	2415	99,83	2420
14	UBND xã Anh Sơn Đông	80	1	1117	1188	99,91	1198
15	UBND xã Bắc Lý	1	71	168	238	70,29	240
16	UBND xã Bạch Hà	6	1	1300	1305	99,92	1307
17	UBND xã Bạch Ngọc	8	0	1175	1183	100,00	1183

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
18	UBND xã Bích Hào	345	1058	2257	3242	68,08	3660
19	UBND xã Bình Chuẩn	1	4	278	280	98,58	283
20	UBND xã Bình Minh	13	0	1370	1382	100,00	1383
21	UBND xã Cam Phục	7	2	239	244	99,17	248
22	UBND xã Cát Ngạn	185	85	838	1082	90,79	1108
23	UBND xã Châu Bình	51	74	1155	1272	93,98	1280
24	UBND xã Châu Hồng	10	1	947	958	99,89	958
25	UBND xã Châu Khê	22	13	913	898	98,60	948
26	UBND xã Châu Lộc	6	4	440	449	99,10	450
27	UBND xã Châu Tiến	55	120	1161	1318	90,63	1336
28	UBND xã Chiêu Lưu	2	2	1500	1501	99,87	1504
29	UBND xã Con Cuông	42	15	1988	2022	99,25	2045
30	UBND xã Đại Đồng	101	10	5166	5265	99,81	5277
31	UBND xã Đại Huệ	43	4	2653	2673	99,85	2700
32	UBND xã Diễn Châu	296	395	7627	8310	95,08	8318
33	UBND xã Đô Lương	35	1	2960	2995	99,97	2996
34	UBND xã Đông Hiếu	14	0	1258	1265	100,00	1272
35	UBND xã Đông Lộc	91	24	5080	5130	99,53	5195
36	UBND xã Đông Thành	73	8	2573	2629	99,69	2654
37	UBND xã Đức Châu	72	2	4229	4302	99,95	4303

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
38	UBND xã Giai Lạc	79	0	1527	1603	100,00	1606
39	UBND xã Giai Xuân	33	0	1890	1907	100,00	1923
40	UBND xã Hải Châu	46	12	2727	2772	99,56	2785
41	UBND xã Hải Lộc	16	3	1407	1417	99,79	1426
42	UBND xã Hạnh Lâm	45	13	853	893	98,50	911
43	UBND xã Hoa Quân	125	17	4811	4918	99,65	4953
44	UBND xã Hợp Minh	23	0	3507	3526	100,00	3530
45	UBND xã Hùng Chân	29	1	909	924	99,89	939
46	UBND xã Hùng Châu	23	0	3164	3167	100,00	3187
47	UBND xã Hưng Nguyên	71	52	4172	4257	98,77	4295
48	UBND xã Hưng Nguyên Nam	78	9	3313	3388	99,73	3400
49	UBND xã Huồi Tụ	0	0	196	196	100,00	196
50	UBND xã Hữu Khuông	0	6	144	150	96,00	150
51	UBND xã Hữu Kiệm	2	5	471	476	98,95	478
52	UBND xã Keng Đu	0	0	604	604	100,00	604
53	UBND xã Kim Bảng	154	410	1567	1987	79,26	2131
54	UBND xã Kim Liên	52	6	4927	4948	99,88	4985
55	UBND xã Lam Thành	73	3	4435	4459	99,93	4511
56	UBND xã Lượng Minh	1	0	2021	2022	100,00	2022
57	UBND xã Lương Sơn	4	0	1930	1934	100,00	1934

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
58	UBND xã Mậu Thạch	554	104	1346	1949	92,83	2004
59	UBND xã Minh Châu	105	44	4808	4898	99,09	4957
60	UBND xã Minh Hợp	17	1	2491	2487	99,96	2509
61	UBND xã Môn Sơn	78	6	1224	1283	99,51	1308
62	UBND xã Mường Chông	14	0	1279	1293	100,00	1293
63	UBND xã Mường Ham	20	2	1043	1063	99,81	1065
64	UBND xã Mường Lống	0	0	412	412	100,00	412
65	UBND xã Mường Quàng	33	18	904	937	98,05	955
66	UBND xã Mường Típ	0	0	326	316	100,00	326
67	UBND xã Mường Xén	5	0	1314	1319	100,00	1319
68	UBND xã Mỹ Lý	4	15	183	202	92,42	202
69	UBND xã Na Loi	0	0	266	266	100,00	266
70	UBND xã Na Ngoi	9	0	402	406	100,00	411
71	UBND xã Nậm Cắn	1	0	770	769	100,00	771
72	UBND xã Nam Đàn	66	0	4264	4320	100,00	4330
73	UBND xã Nga My	4	0	707	711	100,00	711
74	UBND xã Nghi Lộc	187	137	4858	5016	97,26	5182
75	UBND xã Nghĩa Đàn	50	0	1595	1609	100,00	1645
76	UBND xã Nghĩa Đồng	23	0	1347	1340	100,00	1370
77	UBND xã Nghĩa Hành	23	0	981	995	100,00	1004

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
78	UBND xã Nghĩa Hưng	28	3	1608	1618	99,81	1639
79	UBND xã Nghĩa Khánh	58	24	1494	1473	98,42	1576
80	UBND xã Nghĩa Lâm	46	1	2232	2265	99,96	2279
81	UBND xã Nghĩa Lộc	25	23	2240	2240	98,98	2288
82	UBND xã Nghĩa Mai	61	1	2266	2299	99,96	2328
83	UBND xã Nghĩa Thọ	43	2	1759	1776	99,89	1804
84	UBND xã Nhân Hòa	85	0	3198	3279	100,00	3283
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	1091	1091	100,00	1091
86	UBND xã Phúc Lộc	209	0	3816	3986	100,00	4025
87	UBND xã Quan Thành	4	2	2024	2019	99,90	2030
88	UBND xã Quảng Châu	47	5	3813	3858	99,87	3865
89	UBND xã Quang Đồng	37	17	1780	1802	99,05	1834
90	UBND xã Quế Phong	43	4	946	974	99,58	993
91	UBND xã Quỳ Châu	128	8	3026	3115	99,74	3162
92	UBND xã Quỳ Hợp	109	0	3726	3776	100,00	3835
93	UBND xã Quỳnh Anh	11	68	5293	5293	98,73	5372
94	UBND xã Quỳnh Lưu	89	0	8777	8799	100,00	8866
95	UBND xã Quỳnh Phú	124	0	6319	6442	100,00	6443
96	UBND xã Quỳnh Sơn	60	2	6131	6160	99,97	6193
97	UBND xã Quỳnh Tam	21	124	3620	3749	96,69	3765

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
98	UBND xã Quỳnh Thắng	61	1	2047	2066	99,95	2109
99	UBND xã Quỳnh Văn	53	3	3271	3321	99,91	3327
100	UBND xã Sơn Lâm	5	15	902	920	98,36	922
101	UBND xã Tam Đồng	153	13	2528	2602	99,49	2694
102	UBND xã Tam Hợp	48	7	4507	4496	99,84	4562
103	UBND xã Tam Quang	10	2	848	860	99,76	860
104	UBND xã Tam Thái	0	0	752	752	100,00	752
105	UBND xã Tân An	19	0	749	754	100,00	768
106	UBND xã Tân Châu	65	19	8700	8773	99,78	8784
107	UBND xã Tân Kỳ	83	0	4000	4059	100,00	4083
108	UBND xã Tân Phú	272	0	1587	1823	100,00	1859
109	UBND xã Thần Lĩnh	64	19	2105	2180	99,11	2188
110	UBND xã Thành Bình Thọ	2	1	1459	1455	99,93	1462
111	UBND xã Thiên Nhẫn	14	42	2962	2968	98,60	3018
112	UBND xã Thông Thụ	2	4	643	645	99,38	649
113	UBND xã Thuần Trung	63	0	1515	1577	100,00	1578
114	UBND xã Tiên Đồng	68	0	2607	2654	100,00	2675
115	UBND xã Tiền Phong	32	1	496	522	99,80	529
116	UBND xã Tri Lễ	10	9	894	908	99,00	913
117	UBND xã Trung Lộc	13	3	2903	2916	99,90	2919

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
118	UBND xã Tương Dương	17	0	3009	3017	100,00	3026
119	UBND xã Vạn An	105	0	4947	5038	100,00	5052
120	UBND xã Vân Du	39	0	721	760	100,00	760
121	UBND xã Văn Hiến	15	7	3584	3600	99,81	3606
122	UBND xã Văn Kiều	126	1	5598	5663	99,98	5725
123	UBND xã Vân Tụ	27	1	2367	2386	99,96	2395
124	UBND xã Vĩnh Tường	23	6	3426	3439	99,83	3455
125	UBND xã Xuân Lâm	152	31	2003	2153	98,48	2186
126	UBND xã Yên Hòa	3	0	719	722	100,00	722
127	UBND xã Yên Na	1	0	627	628	100,00	628
128	UBND xã Yên Thành	183	0	5733	5893	100,00	5916
129	UBND xã Yên Trung	176	2	3112	3250	99,94	3290
130	UBND xã Yên Xuân	42	8	2301	2351	99,65	2351
TỔNG CỘNG		8518	4256	345755	354880	98,78	358529

PHỤ LỤC II

Thống kê số liệu hồ sơ lĩnh vực đất đai được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 6 tháng đầu năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /6/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND Phường Cửa Lò	705	0	1548	2249	100,00	2253
2	UBND Phường Hoàng Mai	396	0	1253	1604	100,00	1649
3	UBND Phường Quỳnh Mai	220	0	1635	1843	100,00	1855
4	UBND Phường Tân Mai	455	31	4545	4984	99,32	5031
5	UBND Phường Tây Hiếu	168	7	1293	1440	99,46	1468
6	UBND phường Thái Hòa	197	29	2149	2336	98,67	2375
7	UBND Phường Thành Vinh	1474	3338	14282	19059	81,06	19094
8	UBND Phường Trường Vinh	3	1	252	251	99,60	256
9	UBND Phường Vinh Hưng	219	0	754	973	100,00	973
10	UBND Phường Vinh Lộc	361	0	1125	1478	100,00	1486
11	UBND Phường Vinh Phú	325	0	964	1288	100,00	1289
12	UBND xã An Châu	107	10	1045	1154	99,05	1162
13	UBND xã Anh Sơn	130	54	2335	2505	97,74	2519
14	UBND xã Anh Sơn Đông	11	0	162	172	100,00	173
15	UBND Xã Bắc Lý	0	0	0	0	0,00	0
16	UBND Xã Bạch Hà	0	0	25	24	100,00	25
17	UBND Xã Bạch Ngọc	0	0	128	128	100,00	128
18	UBND Xã Bích Hào	100	560	7	621	1,23	667

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
19	UBND xã Bình Chuẩn	3	26	0	28	0,00	29
20	UBND xã Bình Minh	73	0	40	112	100,00	113
21	UBND Xã Cam Phúc	11	42	15	60	26,32	68
22	UBND xã Cát Ngạn	49	216	112	366	34,15	377
23	UBND Xã Châu Bình	14	39	127	170	76,51	180
24	UBND Xã Châu Hồng	5	0	22	27	100,00	27
25	UBND xã Châu Khê	37	30	91	147	75,21	158
26	UBND xã Châu Lộc	3	8	67	75	89,33	78
27	UBND xã Châu Tiến	13	25	124	135	83,22	162
28	UBND Xã Chiêu Lưu	1	0	4	5	100,00	5
29	UBND xã Con Cuông	203	661	336	1141	33,70	1200
30	UBND xã Đại Đồng	462	128	3449	3950	96,42	4039
31	UBND xã Đại Huệ	25	2	601	596	99,67	628
32	UBND xã Diễn Châu	227	114	6719	7013	98,33	7060
33	UBND xã Đô Lương	26	0	4335	4295	100,00	4361
34	UBND xã Đông Hiếu	176	0	1385	1544	100,00	1561
35	UBND xã Đông Lộc	318	54	2415	2769	97,81	2787
36	UBND xã Đông Thành	0	0	2	2	100,00	2
37	UBND xã Đức Châu	18	0	187	198	100,00	205
38	UBND Xã Giai Lạc	14	2	42	58	95,45	58
39	UBND Xã Giai Xuân	13	0	148	154	100,00	161

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
40	UBND Xã Hải Châu	60	26	533	609	95,35	619
41	UBND Xã Hải Lộc	57	1	374	423	99,73	432
42	UBND Xã Hạnh Lâm	40	4	157	198	97,52	201
43	UBND Xã Hoa Quân	97	13	440	531	97,13	550
44	UBND Xã Hợp Minh	34	65	3	100	4,41	102
45	UBND Xã Hùng Chân	4	2	99	83	98,02	105
46	UBND Xã Hùng Châu	61	1	567	626	99,82	629
47	UBND Xã Hưng Nguyên	428	234	5160	5713	95,66	5822
48	UBND Xã Hưng Nguyên Nam	260	153	1040	1391	87,18	1453
49	UBND Xã Huồi Tụ	0	0	0	0	0,00	0
50	UBND Xã Hữu Khuông	0	0	4	2	100,00	4
51	UBND Xã Hữu Kiệm	3	35	0	31	0,00	38
52	UBND Xã Keng Đu	0	0	0	0	0,00	0
53	UBND Xã Kim Bảng	112	148	352	589	70,40	612
54	UBND Xã Kim Liên	100	28	1470	1540	98,13	1598
55	UBND Xã Lam Thành	213	59	789	1021	93,04	1061
56	UBND Xã Lượng Minh	0	0	0	0	0,00	0
57	UBND Xã Lương Sơn	0	0	309	307	100,00	309
58	UBND Xã Mậu Thạch	15	16	22	48	57,89	53
59	UBND Xã Minh Châu	101	11	445	550	97,59	557
60	UBND Xã Minh Hợp	37	0	207	241	100,00	244

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
61	UBND Xã Môn Sơn	67	12	170	225	93,41	249
62	UBND Xã Mường Chông	0	0	2	2	100,00	2
63	UBND Xã Mường Ham	7	3	96	95	96,97	106
64	UBND Xã Mường Lống	1	1	3	5	75,00	5
65	UBND Xã Mường Quàng	2	3	0	4	0,00	5
66	UBND Xã Mường Típ	1	0	0	1	0,00	1
67	UBND Xã Mường Xén	4	26	161	169	86,10	191
68	UBND Xã Mỹ Lý	0	3	1	4	25,00	4
69	UBND Xã Na Loi	0	0	0	0	0,00	0
70	UBND Xã Na Ngoi	0	0	0	0	0,00	0
71	UBND xã Nậm Cắn	0	0	7	4	100,00	7
72	UBND Xã Nam Đàn	42	17	1023	1051	98,37	1082
73	UBND Xã Nga My	0	0	10	10	100,00	10
74	UBND Xã Nghi Lộc	320	346	6119	6746	94,65	6785
75	UBND xã Nghĩa Đàn	481	79	3338	3781	97,69	3898
76	UBND xã Nghĩa Đồng	61	0	657	667	100,00	718
77	UBND Xã Nghĩa Hành	34	0	310	317	100,00	344
78	UBND Xã Nghĩa Hưng	151	17	429	575	96,19	597
79	UBND Xã Nghĩa Khánh	320	13	565	862	97,75	898
80	UBND Xã Nghĩa Lâm	74	4	188	252	97,92	266
81	UBND Xã Nghĩa Lộc	152	57	770	868	93,11	979

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
82	UBND xã Nghĩa Mai	68	7	281	345	97,57	356
83	UBND xã Nghĩa Thọ	112	19	462	574	96,05	593
84	UBND xã Nhân Hòa	42	0	428	456	100,00	470
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	0	0	0,00	0
86	UBND xã Phúc Lộc	111	3	1235	1329	99,76	1349
87	UBND xã Quan Thành	147	114	8	264	6,56	269
88	UBND xã Quảng Châu	56	2	508	564	99,61	566
89	UBND xã Quang Đông	1	1	1	3	50,00	3
90	UBND xã Quế Phong	70	300	312	644	50,98	682
91	UBND xã Quỳ Châu	27	269	286	558	51,53	582
92	UBND xã Quỳ Hợp	161	79	2794	2912	97,25	3034
93	UBND xã Quỳnh Anh	346	108	1777	2165	94,27	2231
94	UBND xã Quỳnh Lưu	544	62	5195	5677	98,82	5801
95	UBND xã Quỳnh Phú	278	0	1069	1308	100,00	1347
96	UBND xã Quỳnh Sơn	270	4	572	818	99,31	846
97	UBND xã Quỳnh Tam	395	81	1010	1463	92,58	1486
98	UBND xã Quỳnh Thắng	267	0	596	808	100,00	863
99	UBND xã Quỳnh Văn	9	29	284	266	90,73	322
100	UBND xã Sơn Lâm	8	51	2	61	3,77	61
101	UBND xã Tam Đồng	79	27	410	501	93,82	516
102	UBND xã Tam Hợp	70	3	516	547	99,42	589

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
103	UBND xã Tam Quang	6	0	52	52	100,00	58
104	UBND xã Tam Thái	6	0	21	25	100,00	27
105	UBND xã Tân An	56	2	423	460	99,53	481
106	UBND xã Tân Châu	60	24	633	707	96,35	717
107	UBND xã Tân Kỳ	196	5	1791	1873	99,72	1992
108	UBND xã Tân Phú	111	0	781	843	100,00	892
109	UBND xã Thần Lĩnh	117	7	266	390	97,44	390
110	UBND xã Thành Bình Thọ	26	5	147	174	96,71	178
111	UBND xã Thiên Nhẫn	67	12	888	944	98,67	967
112	UBND xã Thông Thụ	1	3	3	7	50,00	7
113	UBND xã Thuần Trung	2	0	5	7	100,00	7
114	UBND xã Tiên Đồng	27	0	178	199	100,00	205
115	UBND xã Tiền Phong	3	22	0	25	0,00	25
116	UBND xã Tri Lễ	3	17	0	18	0,00	20
117	UBND xã Trung Lộc	124	0	843	947	100,00	967
118	UBND xã Tương Dương	29	0	271	294	100,00	300
119	UBND xã Vạn An	105	62	4766	4819	98,72	4933
120	UBND xã Vân Du	15	0	32	45	100,00	47
121	UBND xã Văn Hiến	0	0	42	42	100,00	42
122	UBND xã Văn Kiều	203	33	1718	1929	98,12	1954
123	UBND xã Vân Tụ	117	84	223	418	72,64	424

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
124	UBND xã Vĩnh Tường	56	0	413	450	100,00	469
125	UBND xã Xuân Lâm	160	56	818	1001	93,59	1034
126	UBND xã Yên Hòa	2	0	12	12	100,00	14
127	UBND xã Yên Na	0	0	5	5	100,00	5
128	UBND xã Yên Thành	405	953	4190	5475	81,47	5548
129	UBND xã Yên Trung	207	40	849	1008	95,50	1096
130	UBND xã Yên Xuân	30	13	364	406	96,55	407
Tổng cộng		15096	9251	117023	138433	92,67	141370